| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Chí Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 153A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hồng T,** sinh năm 1993; nơi cư trú: X ấp Y, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

Bị đơn: Ông **Võ Hoàng L,** sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Hồng T trình bày*: bà và ông Võ Hoàng L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến khi sinh con đầu được 02 năm thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không nói chuyện, không thông cảm, không thấu hiểu nhau, thiếu sự tôn trọng nhau. Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, nặng nề, ông bà đã sống ly thân từ năm 2019. Bà T đã không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Bà và ông L có 02 con chung là Võ Hoàng Hỷ M1 (nữ) sinh ngày 23/02/2018 và Võ

Thị Hồng M2 (nữ) sinh ngày 03/02/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu M1 chung sống với bà nhưng sau đó ông L xin bà cho chở cháu M1 đi chơi rồi chở cháu đi luôn. Nay bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu M1, không yêu cầu cấp dưỡng, đồng ý giao cháu M2 cho ông L nuôi dưỡng. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

*Bị đơn – ông Võ Hoàng L trình bày*: Ông và bà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà T không chung thủy nhưng ông L không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ và mong các con có đầy đủ cha mẹ. Ông và bà T có 02 con chung là Võ Hoàng Hỷ M1 (nữ) sinh ngày 23/02/2018 và Võ Thị Hồng M2 (nữ) sinh ngày 03/02/2013. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Hồng T và ông Võ Hoàng L xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 15/2/2012 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Võ Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quá trình chung sống vợ chồng bà T và ông L có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng mất niềm tin; bất đồng trong lối sống, suy nghĩ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng việc hòa giải đoàn tụ không thành, bà T kiên quyết xin ly hôn. Ông L và bà T đã sống ly thân từ năm 2019 không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống chung với nhau nhưng hiện nay ông L và bà T mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, không có sự yêu thương, không cảm thông, thấu hiểu và chia sẻ. Để tồn tại hôn nhân hạnh phúc cần có sự thiện chí của cả hai bên. Tuy nhiên, với thực trạng như hiện nay của ông bà thì hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Võ Hoàng L.

[4] Về con chung: bà T và ông L thống nhất ông bà có 02 người con chung là Võ Hoàng Hỷ M1 (nữ) sinh ngày 23/02/2018 và Võ Thị Hồng M2 (nữ) sinh ngày 03/02/2013. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung là Võ Hoàng Hỷ M1 và giao con chung Võ Thị Hồng M2 cho ông L nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay ông L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con, để không làm xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần cho cháu M1, cháu M2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung của ông L. Về cấp dưỡng nuôi con, ông L không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn, bị đơn thống nhất là không có.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hồng T đối với ông Võ Hoàng L.

- *Về con chung:* Giao Võ Hoàng Hỷ M1 (nữ) sinh ngày 23/02/2018 và Võ Thị Hồng M2 (nữ) sinh ngày 03/02/2013 cho ông L nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0007388 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- L HS (2b).

**Liêng Thị Hồng Hoa**